

DSSV CHƯƠNG TRÌNH ĐỀ ÁN KHOA SINH HỌC - CÔNG NGHỆ SINH HỌC NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH (CHÍNH THỨC)
HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2025-2026

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK1/25- 26	XL HT HK1/25- 26	XL ĐRL HK1/25- 26	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	NGÀNH
1	22157021	Đỗ Đăng Khoa	11	11	8,84	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	17.547.860		17.547.860		Sinh học
2	22157022	Nguyễn Ngọc Thiên Kim	14	14	8,86	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	25.510.320		25.510.320		Sinh học
3	22157042	Nguyễn Hoàng Phúc	13	13	8,62	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	17.687.780		17.687.780		Sinh học
4	22187009	Nguyễn Trần Thái Bảo	11	11	9,18	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.647.680		23.647.680		CNSH
5	22187063	Đinh Thị Ánh Linh	15	15	9,64	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	33.384.960		33.384.960		CNSH
6	22187079	Nguyễn Chí Nghĩa	19	19	9,21	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	40.223.520		40.223.520	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CNSH
7	22187086	Nguyễn Đan Nhi	10	10	9,32	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	17.388.000		17.388.000		CNSH
8	22187124	Nguyễn Ngọc Anh Tuấn	12	12	9,01	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	22.952.160		22.952.160		CNSH
9	23157011	Lê Vĩnh Phát	20	20	8,27	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	27.696.020		27.696.020		Sinh học
10	23157057	Trần Lê Khánh Ngọc	10	10	8,19	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	12.613.700		12.613.700		Sinh học
11	23157067	Văn Minh Thuận	14	14	8,71	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	17.476.360		17.476.360		Sinh học
12	23157077	Ngô Thanh Quyền Anh	11	11	8,26	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	11.556.600		11.556.600		Sinh học
13	23187029	Vũ Nguyễn Đăng Khôi	15	15	8,88	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	21.039.480		21.039.480		CNSH
14	23187030	Hồ Thảo Ngọc	16	16	9,24	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	21.464.520		21.464.520		CNSH
15	23187061	Huỳnh Thị Thu Hiền	14	14	9,06	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	17.001.600		17.001.600		CNSH
16	23187085	Nguyễn Thế Phong	15	15	9,17	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	24.575.040		24.575.040		CNSH
17	23187087	Đào Nguyễn Thiên Phúc	14	14	8,82	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	19.764.360		19.764.360		CNSH
18	23187139	Vũ Thảo My	14	14	8,94	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	19.339.320		19.339.320		CNSH
19	24157032	Trần Gia Mẫn	23	19	8,38	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	29.384.300		29.384.300		Sinh học
20	24157039	Trịnh Nguyễn Xuân Đức	16	9	8,87	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	14.162.060		14.162.060		Sinh học
21	24157066	Nguyễn Trần Hồng Ân	23	19	8,51	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	29.384.300		29.384.300		Sinh học

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK1/25- 26	XL HT HK1/25- 26	XL ĐRL HK1/25- 26	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	NGÀNH
22	24157078	Nguyễn Hồng Đăng	23	19	9,03	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	29.384.300		29.384.300		Sinh học
23	24187001	Huỳnh Uyên Giang	21	17	9,13	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	29.423.520	18.389.700	11.033.820	SV đã nhận HB Đầu vào (75% học phí thực đóng)	CNSH
24	24187002	Nguyễn Phạm Thuỳ Linh	21	17	9,16	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	26.971.560		26.971.560		CNSH
25	24187008	Bùi Lâm Trúc Đào	21	17	9,11	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	29.423.520		29.423.520		CNSH
26	24187027	Đỗ Văn Phát	21	17	9,22	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	26.971.560		26.971.560		CNSH
27	24187034	Lê Nguyễn Anh Thu	21	17	9,33	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	29.423.520		29.423.520		CNSH
28	24187103	Vũ Thiện Dương	21	17	9,15	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	26.971.560		26.971.560		CNSH
29	25157015	Võ Nguyên Khang	19	14	8,39	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	16.413.100	7.460.500	8.952.600	SV đã nhận HB Đầu vào (50% học phí thực đóng)	Sinh học
30	25157032	Phạm Anh Thu	19	14	8,78	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	16.413.100	14.921.000	1.492.100	SV đã nhận HB Đầu vào (100% học phí thực đóng)	Sinh học
31	25157041	Lê Ngọc Khánh Vy	19	14	8,41	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	16.413.100		16.413.100		Sinh học
32	25157046	Nguyễn Minh Triết	19	14	8,46	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	16.413.100		16.413.100		Sinh học
33	25157061	Huỳnh Hoàng Hồng Mai	19	14	8,17	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	16.413.100	7.460.500	8.952.600	SV đã nhận HB Đầu vào (50% học phí thực đóng)	Sinh học
34	25157067	Nguyễn Bá Quý	19	14	8,8	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	16.413.100		16.413.100		Sinh học
35	25157076	Trần Phước Trung	19	14	8,69	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	16.413.100		16.413.100		Sinh học
36	25187003	Lưu Gia Càn	19	14	8,95	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	16.887.640		16.887.640		CNSH
37	25187091	Nguyễn Thị Phương Dung	19	14	9,02	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.422.880		18.422.880		CNSH
38	25187107	Trần Minh Phúc	19	14	9,07	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.422.880		18.422.880		CNSH
39	25187122	Huỳnh Nguyễn Phúc Thảo	19	14	9,19	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.422.880		18.422.880		CNSH

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK1/25- 26	XL HT HK1/25- 26	XL ĐRL HK1/25- 26	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	NGÀNH
40	25187132	Hồ Tân Khánh Hưng	19	14	9,13	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.422.880	15.352.400	3.070.480	SV đã nhận HB Đầu vào (100% học phí thực đóng)	CNSH
41	25187134	Hồ Ngọc Đăng Khoa	19	14	9,29	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.422.880	7.676.200	10.746.680	SV đã nhận HB Đầu vào (50% học phí thực đóng)	CNSH
42	25187139	Nguyễn Thái Hoàng Nhân	19	14	9,34	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	16.887.640		16.887.640		CNSH
43	25187141	Nguyễn Như Phụng	19	14	9,21	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.422.880		18.422.880		CNSH
44	25187146	Võ Văn Trọng	19	14	9,12	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	16.887.640		16.887.640		CNSH
45	25187162	Nguyễn Phúc Vy	19	14	8,89	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	16.887.640		16.887.640		CNSH
46	25187164	Đình Hữu Gia Đạt	19	14	9,04	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.422.880		18.422.880		CNSH